TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN S** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **43**/2020/QĐST-HNGĐ	*S, ngày 10 tháng 3 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án thụ lý số 60/2020/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2020, giữa:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn Đ , xã Ha, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

- ***Bị đơn:*** Anh Hà Văn T, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 3 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 3 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị B và anh Hà Văn T.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao cháu Hà Mạnh T1, sinh ngày 29/3/2004 và cháu Hà Minh K, sinh ngày 16/11/2014 cho anh Hà Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Nguyễn Thị B được quyền đi lại thăm con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Các đương sự đều xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Các đương sự đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải nộp 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003253, ngày 21/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Trả lại cho chị B 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Anh Hà Văn T không phải nộp án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu.

Bàn Văn Thế